

PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN

Số đến: 11979 - Ngày in phiếu: 29/07/2016

Cơ quan ban hành:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Số ký hiệu VB:

1078/QĐ-BKHĐT

Ngày tháng VB:

26/07/2016

Trích yếu nội dung VB:

Công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung mới, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ KH và ĐT

Chánh Văn phòng	Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng
<p><i>H/ce CA, P/ce Đ/S</i></p> <p><i>- X/ce Đ/S, C/ce ph</i></p> <p><i>(T/ce Đ/S)</i></p>	<p>Phan Thiên Định:</p> <p>Lê Đình Khánh: <i>OK</i></p> <p>Nguyễn Quang Cường:</p>	
<p>Quét lưu: <i>web</i></p>	<p>Quét lưu:</p>	
<p>Hạn xử lý văn bản: .../.../2016</p>	<p>Hạn xử lý văn bản: .../.../2016</p>	
<p>Ngày: <i>29</i>.../7/2016</p>	<p>Ngày:/7/2016</p>	<p>Ngày:/7/2016</p>

Số: 1078 /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mới, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TT.HUẾ

CÔNG VĂN ĐẾN:

Ngày 29 tháng 7 năm 2016

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- Trung tâm tin học (để đưa tin);
- Vụ Pháp chế;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, Cục QLĐT (133)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đào Quang Thu



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1078 /QĐ-BKHĐT ngày 26 tháng 7
năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

ST T	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục HC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục HC cấp trung ương					
1		Công nhận cơ sở đào tạo về đấu thầu	-Luật đấu thầu 2013 -Nghị định số 63/2014/NĐ-CP -Nghị định số 30/2015/NĐ-CP - Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2		Công nhận giảng viên về đấu thầu	-Luật đấu thầu 2013 -Nghị định số 63/2014/NĐ-CP -Nghị định số 30/2015/NĐ-CP -Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư

3		Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu	-Luật đấu thầu 2013 -Nghị định số 63/2014/NĐ-CP -Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4		Lựa chọn sơ bộ Dự án PPP	-Luật Đầu tư công -Nghị định số 15/2015/NĐ-CP -Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT	Đầu tư theo hình thức đối tác công tư	Bộ, cơ quan ngang Bộ
5		Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án nhóm A, B, C do Bộ, ngành lập	-Luật Đầu tư công -Nghị định số 15/2015/NĐ-CP -Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT	Đầu tư theo hình thức đối tác công tư	Đơn vị thẩm định, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
6		Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của nhà đầu tư	-Luật Đầu tư công -Nghị định số 15/2015/NĐ-CP -Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT	Đầu tư theo hình thức đối tác công tư	Đơn vị thẩm định, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

7		Thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia	-Luật Đầu tư công -Nghị định số 15/2015/NĐ-CP -Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT	Đầu tư theo hình thức đối tác công tư	Đơn vị thẩm định, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
B. Thủ tục HC cấp tỉnh					
1		Lựa chọn sơ bộ dự án PPP	-Luật Đầu tư công -Nghị định số 15/2015/NĐ-CP -Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT	Đầu tư theo hình thức đối tác công tư	UBND cấp tỉnh
2		Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án nhóm A, B, C do UBND cấp tỉnh lập	-Luật Đầu tư công -Nghị định số 15/2015/NĐ-CP -Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT	Đầu tư theo hình thức đối tác công tư	Đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định và Người có thẩm quyền
3		Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của nhà đầu tư	-Luật Đầu tư công -Nghị định số 15/2015/NĐ-CP -Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT	Đầu tư theo hình thức đối tác công tư	Đơn vị được giao thẩm định và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền
4		Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhóm A, B, quan trọng quốc gia	-Luật Đầu tư công -Nghị định số 15/2015/NĐ-CP -Thông tư số	Đầu tư theo hình thức đối tác công tư	Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định và Người có thẩm quyền

			02/2016/TT- BKHĐT		
C. Thủ tục hành chính cấp khác					
1		Đăng ký cơ sở đào tạo về đấu thầu	-Luật đấu thầu 2013 -Nghị định số 63/2014/NĐ- CP -Nghị định số 30/2015/NĐ- CP -Thông tư số 03/2016/TT- BKHĐT	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư	Tổ chức đăng ký cơ sở đào tạo về đấu thầu
2		Đăng ký giảng viên về đấu thầu	-Luật đấu thầu 2013 -Nghị định số 63/2014/NĐ- CP -Nghị định số 30/2015/NĐ- CP -Thông tư số 03/2016/TT- BKHĐT	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư	Cá nhân đăng ký giảng viên về đấu thầu

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, LOẠI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Nội dung cụ thể của từng TTHC bổ sung, sửa đổi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ KH&ĐT

A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương

1. Công nhận cơ sở đào tạo đấu thầu

* Trình tự thực hiện

- Cơ sở đào tạo đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, b và c Khoản 1 Điều 19 của Luật đấu thầu lập hồ sơ đăng ký cơ sở đào tạo gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao Cục Quản lý đấu thầu thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định hồ sơ đăng ký cơ sở đào tạo đấu thầu trong thời gian 10 ngày làm việc;

- Hội đồng thẩm định hoàn thành việc thẩm định hồ sơ đăng ký cơ sở đào tạo đấu thầu trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định, Cục Quản lý đấu thầu có trách nhiệm ban hành quyết định công nhận cơ sở đào tạo nếu tổ chức đăng ký cơ sở đào tạo đấu thầu đáp ứng quy định tại Điều 25 Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức đăng ký cơ sở đào tạo đấu thầu biết lý do không được công nhận trong trường hợp hồ sơ đăng ký không đáp ứng quy định tại Điều 24 Thông tư số 23/2016/TT-BKHĐT;

- Cục Quản lý đấu thầu đăng tải thông tin về cơ sở đào tạo đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định công nhận cơ sở đào tạo đấu thầu.

* Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại cơ quan của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong đó có ngành nghề đầu tư, kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Hợp đồng giảng dạy với giảng viên đấu thầu có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện phòng học, phương tiện, thiết bị giảng dạy và học tập đáp ứng yêu cầu;

- Tài liệu giảng dạy phù hợp với Chương trình khung theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- Tối thiểu 10 đề kiểm tra trắc nghiệm, mỗi đề kiểm tra gồm 60 câu hỏi kèm theo đáp án.

*** Số lượng hồ sơ:**

- 02 bộ các tài liệu nêu trên.

*** Thời hạn giải quyết:** Hội đồng thẩm định hoàn thành thẩm định trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định, Cục Quản lý đấu thầu ban hành Quyết định công nhận cơ sở đào tạo nếu đáp ứng các quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức đăng ký cơ sở đào tạo về việc không công nhận. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định công nhận, Cục Quản lý đấu thầu có trách nhiệm đăng tải thông tin về cơ sở đào tạo đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đăng ký cơ sở đào tạo đấu thầu.

*** Cơ quan thực hiện:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận cơ sở đào tạo đấu thầu hoặc văn bản thông báo không công nhận.

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không thu phí.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):**

- Đơn đề nghị đăng ký cơ sở đào tạo theo Mẫu số 10 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- Phiếu cung cấp thông tin đăng ký cơ sở đào tạo đấu thầu theo Mẫu số 11 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

Đáp ứng các quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu tại Điều 108 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và Điều 25 Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT:

- Có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Có phòng họp, phương tiện, thiết bị giảng dạy và học tập đáp ứng yêu cầu;

- Có tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình khung theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kèm theo bộ đề kiểm tra của chương trình đào tạo về đấu thầu cơ bản;

- Có hợp đồng lao động hoặc hợp đồng giảng dạy với giảng viên về đấu thầu;

- Có tài liệu giảng dạy phù hợp với Chương trình khung theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- Có tối thiểu 10 đề kiểm tra trắc nghiệm, mỗi đề kiểm tra gồm 60 câu hỏi kèm theo đáp án. Các đề kiểm tra và đáp án phải phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hiện hành và chương trình khung.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT ngày 05/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu.

2. Công nhận giảng viên về đấu thầu ¹

*** Trình tự thực hiện**

- Cá nhân đăng ký giảng viên đấu thầu lập 02 bộ hồ sơ đăng ký theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao Cục Quản lý đấu thầu thành lập Hội đồng để thẩm định hồ sơ đăng ký giảng viên đấu thầu;

- Hội đồng thẩm định hoàn thành việc thẩm định hồ sơ đăng ký giảng viên đấu thầu trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 23 của Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định, Cục Quản lý đấu thầu có trách nhiệm: ban hành quyết định công nhận giảng viên đấu thầu nếu cá nhân đăng ký giảng viên đáp ứng quy định tại Điều 23 của Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT. Trường hợp không công nhận phải thông báo cho cá nhân đăng ký giảng viên đấu thầu biết lý do không được công nhận trong trường hợp hồ sơ đăng ký không đáp ứng quy định tại Điều 22 của Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- Cục Quản lý đấu thầu đăng tải thông tin về giảng viên đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định công nhận giảng viên đấu thầu.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại cơ quan của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

¹ Quy trình này không áp dụng đối với giảng viên đấu thầu đã đăng tải thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 35 Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị đăng ký giảng viên đấu thầu theo Mẫu số 8 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- Lý lịch khoa học lập theo Mẫu số 9 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- 02 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong thời gian 06 tháng gần nhất;

- Bản chụp bằng tốt nghiệp đại học;

- Bản chụp bằng tốt nghiệp thạc sỹ, tiến sỹ và các văn bằng, chứng chỉ liên quan (nếu có);

- Bản chụp chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu;

- Bản chụp chứng nhận bồi dưỡng giảng viên đấu thầu;

- Bản chụp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu;

- Tài liệu chứng minh số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đấu thầu.

*** Số lượng hồ sơ:**

- 02 bộ các tài liệu nêu trên.

*** Thời hạn giải quyết:** Hội đồng thẩm định hoàn thành việc thẩm định hồ sơ đăng ký giảng viên đấu thầu trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Hội đồng thẩm định, Cục Quản lý đấu thầu có trách nhiệm ban hành Quyết định công nhận giảng viên đấu thầu, trường hợp không công nhận giảng viên phải thông báo lý do không đáp ứng. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi ban hành Quyết định công nhận giảng viên Cục Quản lý đấu thầu có trách nhiệm đăng tải thông tin giảng viên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

*** Cơ quan thực hiện:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân đăng ký giảng viên đấu thầu

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận Giảng viên hoặc văn bản thông báo không được công nhận

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không thu phí

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):**

- Đơn đề nghị đăng ký giảng viên theo Mẫu số 8 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- Lý lịch khoa học lập theo Mẫu số 9 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

Theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT về điều kiện đối với giảng viên đấu thầu:

- Có hồ sơ đăng ký giảng viên theo quy định tại Điều 22 Thông tư này;
- Tốt nghiệp từ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành pháp luật, kỹ thuật, kinh tế;
- Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm liên tục làm các công việc liên quan trực tiếp đến hoạt động đấu thầu hoặc có tổng thời gian tối thiểu 06 năm kinh nghiệm làm các công việc liên quan trực tiếp đến hoạt động đấu thầu nhưng không liên tục;
- Có chứng nhận bồi dưỡng giảng viên đấu thầu;
- Có chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu tư vấn, xây lắp, hàng hóa, phi tư vấn.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT ngày 05/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu.

3. Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu

*** Trình tự thực hiện**

- Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu đăng ký và dự kỳ thi sát hạch do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thi sát hạch, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, rõ ràng hoặc không đáp ứng yêu cầu thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ gửi thông báo bằng văn bản để cá nhân bổ sung, làm rõ hồ sơ;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu cho những người vượt qua kỳ thi sát hạch.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu sẽ được gửi qua đường bưu điện, trường hợp thí sinh đến nhận thì phải xuất trình giấy tờ tùy thân và ký nhận vào danh sách.

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đăng ký dự thi sát hạch theo Mẫu số 4a Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- 02 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong thời gian 06 tháng gần nhất; 02 phong bì có dán tem và ghi rõ họ, tên, địa chỉ người nhận thông báo thi, lịch thi, kết quả thi;

- Bản chụp chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu;

- Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn trong hoạt động đấu thầu theo Mẫu số 6 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này. Bản khai có xác nhận của đại diện có thẩm quyền thuộc cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp mà cá nhân đó là thành viên (nếu là hội viên của Hội nghề nghiệp) hoặc chủ đầu tư của dự án mà cá nhân đó đã tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu cho dự án này. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân không do một cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc là thành viên của Hội nghề nghiệp thì phải có tài liệu chứng minh kinh nghiệm tham gia hoạt động đấu thầu;

- Bản cam kết quy tắc đạo đức và ứng xử trong đấu thầu theo Mẫu số 7 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- Bản chụp văn bằng, chứng chỉ liên quan (Bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chứng chỉ đấu thầu cơ bản) được chứng thực.

*** Số lượng hồ sơ:**

- 01 bộ các tài liệu nêu trên.

*** Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày công bố kết quả thi hoặc kết quả phúc khảo, cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 13 Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT sẽ được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân thuộc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp, doanh nghiệp, đơn vị hoạt động tư vấn đấu thầu, ban quản lý dự án chuyên nghiệp, đơn vị mua sắm tập trung, giảng viên đấu thầu và cá nhân khác có nhu cầu để tham gia trực tiếp vào hoạt động lựa chọn nhà thầu.

*** Cơ quan thực hiện:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân đáp ứng yêu cầu sẽ được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu.

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Có thu phí

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):**

- Đơn đăng ký dự thi sát hạch theo Mẫu số 4a Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn trong hoạt động đấu thầu theo Mẫu số 6 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- *Bản cam kết quy tắc đạo đức và ứng xử trong đấu thầu theo Mẫu số 7 Phụ lục 2 ban hành theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT.*

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

Đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều 111 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và Điều 13 của Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT:

- Có chứng chỉ đào tạo về đấu thầu;
- Tốt nghiệp đại học trở lên;
- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có tối thiểu 04 năm kinh nghiệm liên tục làm các công việc liên quan trực tiếp đến hoạt động đấu thầu nhưng không liên tục hoặc đã trực tiếp tham gia lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu tối thiểu 05 gói thầu quy mô lớn (*gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa có giá trị gói thầu trên 10 tỷ đồng; gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá trị gói thầu trên 20 tỷ đồng*) hoặc 10 gói thầu quy mô nhỏ. Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn phức tạp được tính tương đương gói thầu quy mô lớn; gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn đơn giản được tính tương đương gói thầu quy mô nhỏ;

- *Đạt kỳ thi sát hạch do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức.*

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- *Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT ngày 05/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu.*

4. Lựa chọn sơ bộ dự án PPP

*** Trình tự thực hiện**

- *Tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ lựa chọn sơ bộ dự án và trình Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ cho phép lập đề xuất dự án.*

- *Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ chấp thuận lập đề xuất dự án.*

*** Cách thức thực hiện:**

- *Trực tiếp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; bằng văn bản.*

*** Thành phần hồ sơ:**

- Các tài liệu, văn bản pháp lý liên quan.
- * **Số lượng hồ sơ:** Không có
- * **Thời hạn giải quyết:** Không có
- * **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.
- * **Cơ quan thực hiện:** Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- * **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận về việc lập đề xuất dự án theo hình thức đối tác công tư
- * **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có.
- * **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Không có.
- * **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.
- * **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - Luật Đầu tư công;
 - Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP.
 - Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

5. Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án nhóm A,B,C do Bộ, ngành lập

- * **Trình tự thực hiện**
 - Đơn vị chuẩn bị dự án thực hiện lập đề xuất dự án;
 - Đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện thẩm định đề xuất dự án;
 - Người có thẩm quyền thực hiện phê duyệt đề xuất dự án;
 - Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước, căn cứ mức vốn và nguồn vốn dự kiến sử dụng, Bộ, ngành báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công để quyết định chủ trương sử dụng trước khi phê duyệt đề xuất dự án.
- * **Cách thức thực hiện:**
 - Trực tiếp tại cơ quan của đơn vị thẩm định, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; bằng văn bản.
- * **Thành phần hồ sơ:**
 - (1) Thẩm định:
 - Đề xuất dự án;
 - Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

(2) *Phê duyệt:*

- Báo cáo thẩm định đề xuất dự án;

- Đề xuất dự án;

- Các tài liệu, văn bản pháp lý liên quan.

* **Số lượng hồ sơ:** 05 bộ (01 bộ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 04 bộ gửi đơn vị thẩm định)

* **Thời hạn giải quyết:** Thời hạn thẩm định đề xuất dự án tối đa là 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

* **Cơ quan thực hiện:** Đơn vị thẩm định và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Báo cáo thẩm định đề xuất dự án, Quyết định phê duyệt đề xuất dự án.

* **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Không có.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP;

- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

6. Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư

* **Trình tự thực hiện**

- Nhà đầu tư lập đề xuất dự án gửi Bộ, ngành.

- Đơn vị được giao thẩm định đề xuất dự án thực hiện thẩm định đề xuất dự án.

- Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề xuất dự án.

* **Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại cơ quan của đơn vị thẩm định, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; bằng văn bản.

* **Thành phần hồ sơ:**

(1) *Thẩm định:*

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án;
- Đề xuất dự án (bao gồm những nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 16 Nghị định 15/2015/NĐ-CP;
- Giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư;
- Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (nếu có);
- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình đề xuất dự án (nếu có).

(2) **Phê duyệt:**

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án;
- Đề xuất dự án (bao gồm những nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 16 Nghị định 15/2015/NĐ-CP.
- Giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư.
- Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (nếu có);
- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình đề xuất dự án (nếu có);
- Báo cáo thẩm định dự án;

* **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ (01 bộ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 01 bộ gửi đơn vị thẩm định)

* **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

* **Cơ quan thực hiện:** Đơn vị thẩm định, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Báo cáo thẩm định đề xuất dự án, Quyết định phê duyệt đề xuất dự án.

* **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Không có.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

- Dự án do Nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 15/2015/NĐ-CP.

- Nhà đầu tư là Doanh nghiệp Nhà nước phải liên danh với doanh nghiệp khác để thực hiện dự án.

* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP.

- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

7. Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia

*** Trình tự thực hiện:**

- Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư được giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Người có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại đơn vị thẩm định và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; bằng văn bản.

*** Thành phần hồ sơ:**

(1) Thẩm định:

- Văn bản trình duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi

- Văn bản thỏa thuận giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ với nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án);

- Quyết định phê duyệt đề xuất dự án;

- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

(2) Phê duyệt:

- Văn bản trình duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi

- Văn bản thỏa thuận giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ với nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án);

- Quyết định phê duyệt đề xuất dự án;

- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

- Văn bản thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

*** Số lượng hồ sơ:**

05 bộ (01 bộ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 04 bộ gửi đơn vị thẩm định)

*** Thời hạn giải quyết:**

Thời hạn thẩm định:

- Đối với dự án quan trọng quốc gia: không quá 90 ngày;
- Đối với dự án nhóm A: không quá 40 ngày;
- Đối với dự án nhóm B: không quá 30 ngày.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

*** Cơ quan thực hiện:**

(1) *Thẩm định:*

- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Hội đồng thẩm định Nhà nước;
- Đối với dự án nhóm A và nhóm B: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ giao đơn vị đầu mối quản lý về hoạt động PPP.

(2) *Phê duyệt:*

- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Thủ tướng Chính phủ;
- Đối với dự án nhóm A, nhóm B (trừ dự án sử dụng vốn ODA và vốn ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong lĩnh vực an ninh quốc phòng và tôn giáo): Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Báo cáo thẩm định BCNCKT, Quyết định phê duyệt BCNCKT.

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Không có.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP.
- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Lựa chọn sơ bộ dự án PPP

*** Trình tự thực hiện**

- Tổ chức, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn sơ bộ dự án và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép lập đề xuất dự án.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận lập đề xuất dự án.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; bằng văn bản.

*** Thành phần hồ sơ:**

- Các tài liệu, văn bản pháp lý liên quan.

* Số lượng hồ sơ: Không có

* Thời hạn giải quyết: Không có

* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

* Cơ quan thực hiện: Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận về việc lập đề xuất dự án theo hình thức đối tác công tư

* Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Không có.

* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Không có.

* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP.

- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

2. Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án nhóm A,B,C do UBND cấp tỉnh lập

*** Trình tự thực hiện**

- Đơn vị chuẩn bị dự án thực hiện lập đề xuất dự án;

- Đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện thẩm định đề xuất dự án;

- Người có thẩm quyền thực hiện phê duyệt đề xuất dự án;
- Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước, căn cứ mức vốn và nguồn vốn dự kiến sử dụng, UBND cấp tỉnh báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công để quyết định chủ trương sử dụng trước khi phê duyệt đề xuất dự án.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại cơ quan của đơn vị thẩm định, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; bằng văn bản.

*** Thành phần hồ sơ:**

(1) Thẩm định:

- Đề xuất dự án;
- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

(2) Phê duyệt:

- Báo cáo thẩm định đề xuất dự án;
- Đề xuất dự án;
- Các tài liệu, văn bản pháp lý liên quan.

*** Số lượng hồ sơ:** 05 bộ (01 bộ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 04 bộ gửi đơn vị thẩm định)

*** Thời hạn giải quyết:** Thời hạn thẩm định đề xuất dự án tối đa là 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

*** Cơ quan thực hiện:** Đơn vị thẩm định và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Báo cáo thẩm định đề xuất dự án, Quyết định phê duyệt đề xuất dự án.

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Không có.

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP.

- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

3. Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư

*** Trình tự thực hiện**

- Nhà đầu tư lập đề xuất dự án gửi UBND cấp tỉnh
- Đơn vị được giao thẩm định đề xuất dự án thực hiện thẩm định đề xuất dự án.
- Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề xuất dự án.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại cơ quan của đơn vị thẩm định, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; bằng văn bản.

*** Thành phần hồ sơ:**

(1) Thẩm định:

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án;
- Đề xuất dự án (bao gồm những nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 16 Nghị định 15/2015/NĐ-CP);
- Giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư;
- Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (nếu có);
- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình đề xuất dự án (nếu có).

(2) Phê duyệt:

- Văn bản đề xuất thực hiện dự án;
- Đề xuất dự án (bao gồm những nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 16 Nghị định 15/2015/NĐ-CP).
- Giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư.
- Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự (nếu có);
- Các tài liệu cần thiết khác để giải trình đề xuất dự án (nếu có);
- Báo cáo thẩm định dự án;

*** Số lượng hồ sơ:** 02 bộ (01 bộ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 01 bộ gửi đơn vị thẩm định)

*** Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

*** Cơ quan thực hiện:** Đơn vị thẩm định, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Báo cáo thẩm định đề xuất dự án, Quyết định phê duyệt đề xuất dự án.

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Không có.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

- Dự án do Nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 15/2015/NĐ-CP.

- Nhà đầu tư là Doanh nghiệp Nhà nước phải liên danh với doanh nghiệp khác để thực hiện dự án.

* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP.

- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

4. Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia

* **Trình tự thực hiện:**

- Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư được giao nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Người có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.

* **Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại đơn vị thẩm định và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; bằng văn bản.

* **Thành phần hồ sơ:**

(1) **Thẩm định:**

- Văn bản trình duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi

- Văn bản thỏa thuận giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án);

- Quyết định phê duyệt đề xuất dự án;

- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.

(2) **Phê duyệt:**

- Văn bản trình duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi

- Văn bản thỏa thuận giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án);
- Quyết định phê duyệt đề xuất dự án;
- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.
- Văn bản thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Các tài liệu văn bản pháp lý có liên quan.
- * Số lượng hồ sơ:
05 bộ (01 bộ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 04 bộ gửi đơn vị thẩm định)
- * Thời hạn giải quyết:
Thời hạn thẩm định:
- Đối với dự án quan trọng quốc gia: không quá 90 ngày;
- Đối với dự án nhóm A: không quá 40 ngày;
- Đối với dự án nhóm B: không quá 30 ngày.
- * Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.
- * Cơ quan thực hiện:
(1) Thẩm định:
- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Hội đồng thẩm định Nhà nước;
- Đối với dự án nhóm A và nhóm B: Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao đơn vị đầu mối quản lý về hoạt động PPP.
- (2) Phê duyệt:
- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Thủ tướng Chính phủ;
- Đối với dự án nhóm A, nhóm B (trừ dự án sử dụng vốn ODA và vốn ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong lĩnh vực an ninh quốc phòng và tôn giáo): Chủ tịch UBND cấp tỉnh.
- * Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định BCNCKT, Quyết định phê duyệt BCNCKT.
- * Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Không có.
- * Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Không có.
- * Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có.
- * Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức PPP.

- Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

C. Thủ tục hành chính cấp khác

1. Đăng ký cơ sở đào tạo về đấu thầu

*** Trình tự thực hiện:**

- Cơ sở đào tạo lập 02 bộ hồ sơ đăng ký theo quy định tại Điều 24 của Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

*** Cách thức thực hiện:**

- Gửi hồ sơ đăng ký trực tiếp tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc thông qua hệ thống bưu chính đồng thời gửi bản mềm về địa chỉ thư điện tử: daotaodauthau@mpi.gov.vn

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị đăng ký cơ sở đào tạo đấu thầu theo Mẫu số 10 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- Phiếu cung cấp thông tin đăng ký cơ sở đào tạo đấu thầu theo Mẫu số 11 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 25 Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT.

*** Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ.**

*** Thời hạn giải quyết:** Hội đồng thẩm định hoàn thành thẩm định trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định, Cục Quản lý đấu thầu ban hành Quyết định công nhận cơ sở đào tạo nếu đáp ứng các quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức đăng ký cơ sở đào tạo về việc không công nhận. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định công nhận, Cục Quản lý đấu thầu có trách nhiệm đăng tải thông tin về cơ sở đào tạo đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đăng ký cơ sở đào tạo đấu thầu.

*** Cơ quan thực hiện:** Bộ Kế hoạch và đầu tư thẩm định và công nhận cơ sở đào tạo.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận cơ sở đào tạo hoặc văn bản thông báo không đáp ứng

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có.

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):**

- Mẫu số 10 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT

- Mẫu số 11 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT

*** Yêu cầu và điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

Theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT về điều kiện công nhận cơ sở đào tạo đấu thầu:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong đó có ngành nghề đầu tư, kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Có hợp đồng giảng dạy với giảng viên đấu thầu có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Có phòng học, phương tiện, thiết bị giảng dạy và học tập đáp ứng yêu cầu;

- Có tài liệu giảng dạy phù hợp với Chương trình khung theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;

- Có tối thiểu 10 đề kiểm tra trắc nghiệm, mỗi đề kiểm tra gồm 60 câu hỏi kèm theo đáp án. Các đề kiểm tra và đáp án phải phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hiện hành và chương trình khung.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT ngày 05/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu.

2. Đăng ký giảng viên về đấu thầu

*** Trình tự thực hiện**

- Cá nhân đăng ký giảng viên đấu thầu lập 02 bộ hồ sơ đăng ký theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

*** Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc thông qua hệ thống bưu chính và đồng thời gửi bản mềm về địa chỉ thư điện tử: daotaodauthau@mpi.gov.vn.

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị đăng ký giảng viên đấu thầu theo Mẫu số 8 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- Lý lịch khoa học lập theo Mẫu số 9 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- 02 ảnh màu cỡ 3x4 chụp trong thời gian 06 tháng gần nhất;

- Bản chụp bằng tốt nghiệp đại học;

- Bản chụp bằng tốt nghiệp thạc sỹ, tiến sỹ và các văn bằng, chứng chỉ liên quan (nếu có);

- Bản chụp chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu;

- Bản chụp chứng nhận bồi dưỡng giảng viên đấu thầu;

- Bản chụp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu;

- Tài liệu chứng minh số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đấu thầu.

*** Số lượng hồ sơ**

- 02 bộ hồ sơ

*** Thời hạn giải quyết:** Hội đồng thẩm định hoàn thành việc thẩm định hồ sơ đăng ký giảng viên đấu thầu trong thời gian 10 ngày làm việc. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Hội đồng thẩm định, Cục Quản lý đấu thầu có trách nhiệm ban hành Quyết định công nhận giảng viên đấu thầu, trường hợp không công nhận giảng viên phải thông báo lý do không đáp ứng. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi ban hành Quyết định công nhận giảng viên Cục Quản lý đấu thầu có trách nhiệm đăng tải thông tin giảng viên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân đăng ký giảng viên về đấu thầu

*** Cơ quan thực hiện:** Bộ Kế hoạch và đầu tư thẩm định và công nhận giảng viên về đấu thầu

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận giảng viên hoặc văn bản thông báo không đáp ứng

*** Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):**

- Đơn đề nghị đăng ký cơ sở đào tạo đấu thầu theo Mẫu số 8 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

- Lý lịch khoa học theo Mẫu số 9 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT.

*** Yêu cầu và điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

Đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều 111 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và Điều 13 của Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT:

- Có chứng chỉ đào tạo về đấu thầu;
- Tốt nghiệp đại học trở lên;
- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có tối thiểu 04 năm kinh nghiệm liên tục làm các công việc liên quan trực tiếp đến hoạt động đấu thầu nhưng không liên tục hoặc đã trực tiếp tham gia lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu tối thiểu 05 gói thầu quy mô lớn (*gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa có giá trị gói thầu trên 10 tỷ đồng; gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá trị gói thầu trên 20 tỷ đồng*) hoặc 10 gói thầu quy mô nhỏ. *Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn phức tạp được tính tương đương gói thầu quy mô lớn; gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn đơn giản được tính tương đương gói thầu quy mô nhỏ;*

- Đạt kỳ thi sát hạch do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức.

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT ngày 05/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu.

Ghi chú:

- Các chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung mới.

MẪU BIỂU KÈM THEO

1. Thủ tục số II. A3. Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu
Mẫu số 4a

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH VÀ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH VÀ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU¹

Kính gửi: Cục Quản lý đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Họ và tên (*chữ in hoa*):
Nam/Nữ:.....
2. Sinh ngày: tháng năm
3. Nơi sinh:
4. Quốc tịch:
5. Số CMND/ Hộ chiếu:, cấp ngàytháng.....năm.....
Nơi cấp:
6. Địa chỉ thường trú:
7. Trình độ chuyên môn:
 - Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp (*ghi rõ chuyên ngành đào tạo*):.....
8. Kinh nghiệm trong hoạt động đấu thầu (*kèm theo bảng kê khai lập theo Mẫu số 6 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này*):
 - Thời gian đã tham gia hoạt động đấu thầu: từ năm... đến năm...
 - Tổng số gói thầu đã trực tiếp tham gia lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan

¹ Cá nhân đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu phải nộp chi phí dự thi sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định khi đến dự thi.

tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu:.....(ghi tổng số gói thầu đã tham gia).

Đề nghị được dự thi sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu (ghi một trong hai loại chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này).

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai trong đơn./.

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU1. Họ và tên (*chữ in hoa*):

2. Quá trình hoạt động chuyên môn về đấu thầu

Số TT	Thời gian hoạt động chuyên môn về đấu thầu (từ tháng, năm,.....đến tháng năm))	Hoạt động đấu thầu trong cơ quan, tổ chức nào? Hoặc hoạt động độc lập?	Các công việc đã trực tiếp tham gia <i>(giảng dạy về đấu thầu; lập, thẩm định HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC; đánh giá HSQT, HSDST, HSDT, HSDX; thẩm định kết quả đánh giá HSQT, kết quả đánh giá HSDST, kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu nào, thời gian, địa điểm)</i>	Tên chủ đầu tư/bên mời thầu/cơ sở đào tạo đấu thầu

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai trong đơn./.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp hoặc chủ đầu tư
(Ký và đóng dấu)

Người kê khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

BẢN CAM KẾT QUY TẮC ĐẠO ĐỨC VÀ ỨNG XỬ TRONG ĐẤU THẦU

Tôi tên là: _____

Tôi xin cam kết như sau:

1. Mọi thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu là trung thực;

2. Tham dự kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu và tuân thủ theo đúng nội quy, quy chế của kỳ thi;

3. Trường hợp đủ điều kiện, được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu, tôi cam kết:

- Thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm về đấu thầu;
- Chỉ hành nghề trong lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu;
- Luôn trung thực, khách quan, công bằng, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình hành nghề hoạt động đấu thầu.

Nếu vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người cam kết

(Ký và ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục số II.A1. Chứng nhận cơ sở đào tạo đấu thầu và đăng ký cơ sở đào tạo đấu thầu

Mẫu số 10

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐẤU THẦU

[TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ____/____

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐẤU THẦU**

Kính gửi: Cục Quản lý đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

_____ [Ghi tên của cơ sở đào tạo] đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư đăng tải thông tin cơ sở đào tạo của chúng tôi vào hệ thống dữ liệu cơ sở đào tạo đấu thầu.

Khi tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu, chúng tôi cam kết đáp ứng các quy định tại Thông tư số ____/TT-BKH ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu và sử dụng giảng viên trong hệ thống dữ liệu giảng viên đấu thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia./.

Đại diện hợp pháp của cơ quan/đơn vị đăng ký

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

MẪU PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN ĐĂNG KÝ
CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐẤU THẦU

[TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ] _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ____/____

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN
ĐĂNG KÝ CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐẤU THẦU

Kính gửi: Cục Quản lý đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Tên đầy đủ của cơ sở đào tạo: [Ghi tên đầy đủ của cơ sở đào tạo] _____
- Tên tiếng Anh: [Ghi tên tiếng Anh (nếu có)] _____
- Tên viết tắt: [Ghi tên viết tắt của cơ sở đào tạo (nếu có)] _____
- Địa chỉ: [Ghi địa chỉ trụ sở của cơ sở đào tạo] _____
- Điện thoại: [Ghi số điện thoại liên lạc] _____
- Fax: [Ghi số fax] _____
- E-mail: [Ghi địa chỉ hộp thư điện tử] _____
- Website: [Ghi địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có)] _____
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập: Số _____
[Ghi số của văn bản] ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm của văn bản] của
_____ [Ghi tên đơn vị chứng nhận/quyết định thành lập] về việc

- Đại diện pháp nhân: [Ghi tên người đại diện theo pháp luật] _____
- Các lĩnh vực hoạt động chính: [Liệt kê các lĩnh vực hoạt động chính] _____

**3. Thủ tục số II.A2. Công nhận giảng viên đầu thầu và thủ tục số II.C2.
Đăng ký giảng viên đầu thầu**

Mẫu số 8

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ GIẢNG VIÊN ĐẦU THẦU

Kính gửi: Cục Quản lý đầu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tôi tên là: _____ [*Ghi họ tên của người đề nghị*] đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư đăng tải thông tin giảng viên đầu thầu vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia.

Tôi cam kết tôi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều ... Thông tư số ____/TT-BKHĐT ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đầu thầu. Tôi xin gửi đính kèm lý lịch khoa học của tôi và bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ, văn bản xác nhận liên quan.

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trong lý lịch khoa học là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người đề nghị
(*Ký và ghi rõ họ tên*)

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN GIẢNG VIÊN ĐẦU THẦU

Lý lịch khoa học

- Tên đầy đủ của giảng viên đầu thầu: *[Ghi đầy đủ họ tên]* _____
- Ngày, tháng, năm sinh: *[Ghi ngày, tháng, năm sinh]* _____
- Nơi sinh: *[Ghi nơi sinh]* _____
- Địa chỉ: *[Ghi địa chỉ nơi ở hiện nay]* _____
- Nơi công tác: *[Ghi tên và địa chỉ nơi đang công tác hiện nay]* _____
- Bằng cấp: *[Ghi bằng cấp, tổ chức cấp, năm được cấp]* _____
- Chứng chỉ các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn liên quan (nếu có): *[Ghi tên các khóa đào tạo, bồi dưỡng được cấp chứng chỉ, tổ chức cấp, năm được cấp]*

- Chứng chỉ hành nghề được cấp: *[Ghi thời gian cấp chứng chỉ hành nghề]*
- Chứng nhận bồi dưỡng giảng viên đầu thầu được cấp: *[Ghi thời gian cấp chứng nhận]*
- Ngoại ngữ: *[Ghi ngoại ngữ sử dụng và trình độ]*
- Điện thoại: *[Ghi số điện thoại cố định và điện thoại di động]* _____
- Fax: *[Ghi số fax]* _____
- E-mail: *[Ghi địa chỉ hộp thư điện tử]* _____
- Kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực đầu thầu: *[Liệt kê các công việc đã thực hiện trong lĩnh vực đầu thầu theo quy định về điều kiện trở thành giảng viên đầu thầu]* _____

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người kê khai
(Ký và ghi rõ họ tên)